

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ TẠI ASECAN SECURITIES (Margin Lending Securities List)

(Cập nhật ngày 12/05/2026)

(Effective from 12/05/2026)

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
1	AAA	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HOSE	20	7,200
2	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HOSE	10	56,844
3	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	HOSE	50	25,000
4	ACC	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	10	12,500
5	ACG	Công ty cổ phần Gỗ An Cường	HOSE	50	29,240
6	ACL	CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	HOSE	10	12,900
7	ADP	Công ty cổ phần Sơn Á Đông	HOSE	10	11,497
8	ADS	Công ty cổ phần Damsan	HOSE	20	8,620
9	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	10	12,900
10	AGR	Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank	HOSE	30	14,350
11	ANV	Công ty CP Nam Việt	HOSE	30	23,450
12	ASM	Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HOSE	20	5,700
13	AST	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HOSE	10	15,263
14	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	HNX	20	11,000
15	BCF	Công ty cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	10	11,666
16	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	HOSE	40	53,600
17	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	HOSE	40	29,657
18	BHN	Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Hà Nội	HOSE	40	23,292
19	BIC	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	16,749
20	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	42,000
21	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	10	13,650
22	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	HOSE	50	126,900
23	BRC	Công ty cổ phần Cao su Bến Thành	HOSE	10	12,050
24	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	40	34,000
25	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HOSE	40	20,000
26	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HOSE	10	8,540
27	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt	HOSE	50	72,558
28	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	28,000
29	BWE	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	HOSE	50	42,750
30	C69	Công ty cổ phần Xây dựng 1369	HNX	20	14,446
31	CAP	CTCP Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	HNX	10	12,823
32	CCI	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	HOSE	10	16,538
33	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	10	11,964
34	CDC	CTCP Chương Dương	HOSE	20	18,294
35	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	40	20,759
36	CEO	Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	30	11,343
37	CHP	Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung	HOSE	40	13,382
38	CIA	Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	HNX	10	9,600
39	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp HCM	HOSE	30	20,000
40	CLC	Công ty CP Cát Lợi	HOSE	10	36,747
41	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	10	16,937
42	CLL	Công ty cổ phần Cảng Cát Lái	HOSE	10	18,500

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
43	CLM	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	HNX	10	72,694
44	CLW	Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	HOSE	10	20,375
45	CMG	Công ty cổ phần tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	50	29,050
46	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	HOSE	50	18,148
47	CRC	Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	HOSE	20	9,700
48	CSC	Công ty cổ phần Tập đoàn COTANA	HNX	10	14,900
49	CSM	CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam	HOSE	30	12,400
50	CSV	Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	30	14,671
51	CTB	CTCP Chế tạo bơm Hải Dương	HNX	10	15,298
52	CTD	Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE	40	84,000
53	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	HOSE	50	36,000
54	CTI	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	30	22,800
55	CTR	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	HOSE	40	86,000
56	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	HOSE	40	30,000
57	D2D	CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	20	23,861
58	DAT	Công ty cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	10	8,400
59	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	HOSE	30	24,000
60	DBD	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	HOSE	40	18,335
61	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre	HOSE	10	10,900
62	DC4	Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings	HOSE	20	9,150
63	DCM	Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	HOSE	50	45,499
64	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	HOSE	50	45,800
65	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HOSE	10	33,183
66	DHC	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	HOSE	50	34,850
67	DHG	Công ty Cổ phần dược Hậu Giang	HOSE	50	31,989
68	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	10	12,268
69	DIG	Tổng Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng	HOSE	30	14,200
70	DMC	Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	HOSE	40	48,603
71	DNC	Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng	HNX	10	16,022
72	DNP	Công ty cổ phần DNP Holding	HNX	10	21,000
73	DP3	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	HNX	10	28,276
74	DPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	30	40,350
75	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	HOSE	50	30,850
76	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HOSE	40	40,550
77	DRC	Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	HOSE	30	13,500
78	DRL	Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	HOSE	10	11,710
79	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	HOSE	10	12,354
80	DSE	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	HOSE	20	12,800
81	DSN	CTCP Công viên nước Đầm Sen	HOSE	10	29,411
82	DTD	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	20	16,400
83	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	HNX	10	11,100
84	DVM	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	20	6,800
85	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	40	50,000
86	DXG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	30	16,000
87	DXP	CTCP Cảng Đoạn Xá	HNX	20	13,400
88	DXS	Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HOSE	20	8,000
89	EBS	CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	HNX	10	11,100
90	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	24,000
91	EID	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	10	22,900
92	ELC	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn Thông	HOSE	20	14,964
93	EVE	Công ty cổ phần Everpia	HOSE	10	10,400

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
94	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	HOSE	20	14,500
95	EVG	Công ty cổ phần Tập đoàn Everland	HOSE	10	6,400
96	FCN	Công ty cổ phần FECON	HOSE	20	12,950
97	FMC	Công ty CP thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	38,400
98	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HOSE	50	80,000
99	FRT	Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT	HOSE	20	30,176
100	FTS	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT	HOSE	50	25,050
101	GAS	Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần	HOSE	50	80,800
102	GEE	Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	HOSE	20	100,000
103	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	HOSE	30	16,900
104	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	HOSE	30	40,000
105	GIC	Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	HNX	10	10,200
106	GMD	Công ty cổ phần Gemadept	HOSE	50	75,217
107	GMX	Công ty cổ phần Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	HNX	10	12,608
108	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HOSE	20	11,400
109	GTA	Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	HOSE	10	8,600
110	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần	HOSE	50	33,100
111	HAG	công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	20	16,400
112	HAH	Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	56,000
113	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	10	10,650
114	HCD	Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HOSE	10	7,920
115	HCM	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	27,000
116	HDB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	27,000
117	HDC	Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HOSE	30	19,050
118	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	29,300
119	HGM	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	10	37,755
120	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	HOSE	20	13,129
121	HHS	Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy	HOSE	50	15,055
122	HHV	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	HOSE	40	13,000
123	HJS	Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	10	15,025
124	HMC	Công ty cổ phần Kim Khí TP.Hồ Chí Minh – Vnsteel	HOSE	10	11,550
125	HMH	Công ty cổ phần Hải Minh	HNX	10	17,200
126	HNA	Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	HOSE	40	14,000
127	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa phát	HOSE	50	28,000
128	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HOSE	10	20,833
129	HSG	công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen	HOSE	40	16,000
130	HTI	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	HOSE	30	15,100
131	HTC	CTCP Thương mại Hóc Môn	HNX	10	18,141
132	HTG	Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HOSE	10	30,901
133	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HOSE	10	24,300
134	HTL	CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HOSE	10	14,077
135	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HOSE	10	10,900
136	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	10	14,200
137	HUT	CTCP Tasco	HNX	30	17,100
138	HVH	Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	HOSE	20	11,950
139	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	HNX	10	20,710
140	ICT	Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bru điện	HOSE	10	17,800
141	IDC	Tổng công ty IDICO - CTCP	HNX	50	48,800
142	IDI	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	HOSE	30	7,000
143	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	HNX	10	22,411
144	IJC	Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật	HOSE	50	12,000

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
145	ILB	Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	HOSE	10	21,550
146	IMP	Công ty CP Dược phẩm IMEXPHARM	HOSE	50	14,977
147	INN	Công ty cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	10	31,176
148	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	10	15,700
149	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	HOSE	20	11,950
150	ITD	CTCP Công nghệ Tiên Phong	HOSE	10	16,200
151	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	HOSE	30	35,000
152	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	HOSE	30	49,000
153	KDH	CTCP Đầu tư và kinh doanh nhà Khang Điền	HOSE	40	26,200
154	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	HOSE	20	5,490
155	KHS	Công ty cổ phần Kiên Hùng	HNX	10	15,600
156	KSB	Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	HOSE	50	17,000
157	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	HNX	10	28,005
158	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	HNX	10	23,700
159	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	HOSE	10	25,000
160	L14	Công ty cổ phần LICOGI 14	HNX	20	14,492
161	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18	HNX	10	21,795
162	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	30	20,000
163	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	HOSE	10	16,071
164	LCG	Công ty cổ phần LIZEN	HOSE	30	10,200
165	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HOSE	10	31,370
166	LHC	CTCP Đầu tư và xây dựng thủy lợi Lâm Đồng	HNX	10	57,513
167	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	HOSE	40	28,300
168	LIX	Công ty cổ phần Bột giặt LIX	HOSE	50	16,026
169	LPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt	HOSE	50	41,950
170	LSS	Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn	HOSE	20	8,580
171	MBB	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	HOSE	50	27,500
172	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	23,600
173	MCM	Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HOSE	40	20,721
174	MCP	CTCP In và Bao bì Mỹ Châu	HOSE	10	13,946
175	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	HNX	10	10,600
176	MHC	Công ty cổ phần MHC	HOSE	10	9,350
177	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	HOSE	40	19,800
178	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	HOSE	50	13,000
179	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	HOSE	50	38,450
180	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HOSE	50	80,000
181	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	HNX	40	16,700
182	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	HOSE	50	80,800
183	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	HOSE	50	13,050
184	NAF	Công ty cổ phần Nafoods Group	HOSE	20	12,757
185	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	20	8,300
186	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	10	12,857
187	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	HNX	20	11,400
188	NBW	CTCP Cấp nước Nhà Bè	HNX	10	16,779
189	NCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HOSE	10	27,144
190	NDN	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	20	10,200
191	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	HNX	10	24,199
192	NFC	Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	10	20,891
193	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	20	11,864
194	NHH	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	HOSE	10	9,930

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
195	NKG	Công ty Cổ phần thép Nam Kim	HOSE	10	13,900
196	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	50	28,750
197	NNC	Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	HOSE	20	23,935
198	NSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	20	73,700
199	NT2	CTCP Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	HOSE	30	27,900
200	NTL	CTCP phát triển đô thị Từ Liêm	HOSE	20	18,000
201	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	55,000
202	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	HOSE	50	13,000
203	OPC	công ty cổ phần dược phẩm OPC	HOSE	10	15,231
204	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	HOSE	10	13,150
205	PAC	Công ty Cổ phần pinẮc quy niềmm Nam	HOSE	50	21,454
206	PAN	Công ty cổ phần Tập đoàn PAN	HOSE	50	31,750
207	PC1	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1	HOSE	30	29,150
208	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	HNX	10	18,973
209	PCH	PCH	HNX	10	11,074
210	PCT	CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	HNX	10	10,500
211	PDN	CTCP Cảng Đồng Nai	HOSE	10	26,726
212	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	20	12,935
213	PET	Tổng công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	HOSE	40	40,967
214	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	HOSE	50	13,900
215	PGD	CTCP Phân phối khí Thấp áp dầu khí Việt Nam	HOSE	10	14,904
216	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	40	17,613
217	PGS	Công ty cổ phần kinh doanh Khí miền Nam	HNX	10	20,375
218	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	HOSE	10	15,909
219	PHN	Công ty cổ phần Pin Hà Nội	HNX	10	21,724
220	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HOSE	50	62,500
221	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	10	11,355
222	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	HOSE	10	8,900
223	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	HNX	30	23,900
224	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HOSE	50	41,400
225	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	10	10,900
226	PMC	CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	10	25,808
227	PMS	công ty cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	HNX	10	25,242
228	PNJ	Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	50	108,000
229	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	HOSE	50	15,000
230	PPC	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phá Lại	HOSE	30	10,750
231	PPP	CTCP Dược phẩm Phong Phú	HNX	10	15,765
232	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật điện lực dầu khí Việt Nam	HNX	10	11,100
233	PPT	PPT	HNX	10	10,528
234	PRE	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI	HNX	10	15,932
235	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	20	13,827
236	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	10	10,800
237	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	HNX	20	7,700
238	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	10	8,300
239	PTB	Công ty cổ phần Phú Tài	HOSE	50	48,450
240	PTI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	10	23,610
241	PVB	Công ty cổ phần bọcc ống dầu khí Việt Nam	HNX	20	20,333
242	PVC	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	HNX	40	12,200

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
243	PVD	Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí	HOSE	40	30,000
244	PVG	Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	10	6,700
245	PVI	Công ty cổ phần PVI	HNX	50	50,000
246	PVP	Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HOSE	30	15,050
247	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	42,800
248	PVT	Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu Khí	HOSE	50	21,850
249	QNP	Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	HOSE	10	23,106
250	RAL	Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	HOSE	50	86,100
251	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	HOSE	50	70,000
252	S4A	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HOSE	10	14,193
253	S55	CTCP Sông Đà 505	HNX	10	66,000
254	S99	Công ty cổ phần SCI	HNX	20	9,800
255	SAB	Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	HOSE	50	46,000
256	SAF	CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco	HNX	10	14,947
257	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HOSE	20	6,520
258	SBA	Công ty cổ phần Sóng Ba	HOSE	40	17,406
259	SBG	Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	HOSE	10	11,600
260	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công –Biên Hòa	HOSE	40	22,800
261	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	HNX	10	19,733
262	SCI	Công ty cổ phần SCI E&C	HNX	10	10,200
263	SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HOSE	20	6,400
264	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	50	55,000
265	SD5	Công ty cổ phần Sông Đà 5	HNX	10	7,600
266	SEB	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	HNX	10	20,808
267	SED	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	10	18,500
268	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HOSE	10	27,500
269	SGC	CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	10	68,928
270	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HOSE	40	40,949
271	SGR	Công ty cổ phần Tổng Công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn	HOSE	10	15,700
272	SGT	Công ty CP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	HOSE	10	15,450
273	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	HOSE	50	15,450
274	SHE	Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	HNX	10	7,000
275	SHI	Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà	HOSE	10	12,804
276	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam	HOSE	40	13,528
277	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	HNX	40	16,700
278	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HOSE	50	62,000
279	SJD	Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn	HOSE	20	13,950
280	SJE	Công ty cổ phần Sông Đà 11	HNX	10	16,600
281	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	HOSE	20	11,584
282	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	40	161,000
283	SMB	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	HOSE	10	21,038
284	SRC	Công ty cổ phần cao su Sao Vàng	HOSE	10	20,217
285	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	HOSE	50	17,500
286	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HOSE	10	28,200
287	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HOSE	50	30,000
288	STB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	61,197
289	STC	CTCP Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ chí Minh	HNX	10	14,100
290	SVC	CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	HOSE	10	18,700

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
291	SVT	Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HOSE	10	11,800
292	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	10	26,003
293	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	29,250
294	SZL	Công ty CP Sonadezi Long Thành	HOSE	10	24,957
295	TA9	Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	10	12,100
296	TAL	TAL	HOSE	10	20,272
297	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	HOSE	10	23,230
298	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	HOSE	50	36,000
299	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	30	18,000
300	TCL	CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	23,642
301	TCM	CTCP Dệt may- Đầu tư- Thương mại Thành Công	HOSE	40	22,950
302	TCO	CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	HOSE	10	11,928
303	TCT	CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	HOSE	10	19,700
304	TD6	Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	HNX	10	8,800
305	TDC	CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương	HOSE	10	10,950
306	TDM	Công ty cổ phần Nước Thù Dầu Một	HOSE	40	23,394
307	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	HOSE	20	12,621
308	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	HNX	10	7,100
309	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	10	30,876
310	TFC	Công ty cổ phần Trang	HNX	10	30,963
311	THD	Công ty cổ phần Thaiholdings	HNX	10	11,468
312	THG	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HOSE	10	25,520
313	TIG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	HNX	20	7,000
314	TIP	CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	HOSE	40	18,600
315	TLD	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	HOSE	20	8,370
316	TLG	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	26,435
317	TMB	Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	HNX	10	58,000
318	TMC	CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	10	8,100
319	TMP	công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	40	24,172
320	TMS	Công ty cổ phần TRANSIMEX	HOSE	10	30,900
321	TNI	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	HOSE	10	16,500
322	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống nhất	HOSE	10	18,160
323	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	40	25,700
324	TOT	CTCP Transimex Logistics	HNX	10	15,378
325	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	HOSE	50	16,000
326	TPP	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	HNX	10	10,500
327	TRA	Công ty cổ phần Traphaco	HOSE	40	40,681
328	TRC	Công ty Cổ phần Cao Su Tây Ninh	HOSE	40	70,781
329	TTA	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	20	12,100
330	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	HOSE	20	19,817
331	TV4	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4	HNX	10	13,923
332	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	HNX	20	11,700
333	TVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	20	13,100
334	TVT	Tổng công ty Việt Thắng - CTCP	HOSE	10	15,550
335	TYA	Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam	HOSE	10	17,900
336	UIC	CTCP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO (UDICO-IDICO)	HOSE	10	60,200
337	VAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	HOSE	40	10,050
338	VBC	Công ty cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh	HNX	10	22,000

TT (No)	MÃ CP (Securities code)	TÊN CÔNG TY (Company name)	SÀN (Stock Exchange)	Tỷ lệ cho vay (Margin Lending Ratio) (%)	Giá chặn (Margin Price) (VND)
339	VC1	Công ty cổ phần Xây dựng số 1	HNX	10	14,900
340	VC3	Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	10	11,111
341	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	10	17,083
342	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	62,000
343	VCF	Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hoà	HOSE	50	42,769
344	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	24,000
345	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	HOSE	50	29,000
346	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	HNX	50	32,079
347	VDP	CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HOSE	10	34,171
348	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	10	14,050
349	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HOSE	40	50,000
350	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	HOSE	50	46,000
351	VGS	Công ty Cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE	HNX	20	21,061
352	VHC	Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	HOSE	50	59,300
353	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	HOSE	50	65,000
354	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	18,000
355	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	HOSE	50	70,468
356	VIF	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần	HNX	10	14,512
357	VIP	Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO	HOSE	20	11,900
358	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	HOSE	30	18,000
359	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VIETJET	HOSE	50	110,000
360	VNC	Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	50	15,780
361	VND	CTCP Chứng khoán VnDirect	HOSE	50	15,500
362	VNF	Công ty cổ phần VINAFREIGHT	HNX	10	15,400
363	VNL	Công ty cổ phần Logistics Vinalink	HOSE	10	19,600
364	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HOSE	50	64,000
365	VNR	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt nam	HNX	50	20,800
366	VNS	công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HOSE	10	8,380
367	VPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	HOSE	50	27,100
368	VPD	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HOSE	10	15,292
369	VPI	Công ty cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	HOSE	50	57,500
370	VPL	Công ty Cổ phần Vinpearl	HOSE	50	80,000
371	VRE	Công ty cổ phần Vincom Retail	HOSE	50	23,928
372	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	10	20,000
373	VSC	Công ty cổ phần Container Việt Nam	HOSE	50	22,950
374	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn -Sông Hình	HOSE	50	20,000
375	VSI	CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HOSE	10	15,527
376	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bru chính Viettel	HOSE	40	80,000
377	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	20	11,390
378	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	HOSE	20	9,950